

Số: **371/QĐ-UBND**

Thừa Thiên Huế, ngày **24** tháng 02 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh.

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

1. Cập nhật các thủ tục hành chính mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

2. Công bố công khai Danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

3. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế, sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gửi qua mạng);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (gửi qua mạng);
- Các PCVP và CV: NC, TH;
- Lưu: VT, KNNV. ✓

CHỦ TỊCH  
  
  
Nguyễn Văn Cao



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC  
THAY THẾ/BỊ Hủy BỎ HOẶC BÀI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **371./QĐ-UBND** ngày **24** tháng **02** năm **2017** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở GTVT Thừa Thiên Huế**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Cấp phù hiệu xe đầu kéo.	Đường bộ	Sở GTVT
2	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT
3	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT
4	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT
5	Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở GTVT
6	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa – Trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Sở GTVT

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>					
1	T-TTH-180316-TT	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng.	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT

2	T-TTH-180319-TT	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng.	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT
3	T-TTH-180325-TT	Cho ý kiến dự án xây dựng công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT
4		Cho ý kiến dự án xây dựng công trình đảm bảo an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương (thuộc thẩm quyền UBND tỉnh).	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT
5	T-TTH-180329-TT	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT
6	T-TTH-180321-TT	Công bố hạn chế giao thông trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình và tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập (thuộc thẩm quyền Sở GTVT)	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT
7		Công bố hạn chế giao thông đối với trường	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT	Đường thủy nội	Sở GTVT

		hợp bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.	địa	
8		Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch	- Thông tư 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyên khách du lịch.	Đường Thủy nội địa	Sở GTVT
9		Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực	- Thông tư 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyên khách du lịch.	Đường Thủy nội địa	Sở GTVT
10		Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được	- Thông tư 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyên khách du lịch.	Đường Thủy nội địa	Sở GTVT
<b>Lĩnh vực đường bộ</b>					
11		Đăng ký khai thác tuyến .	- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT	Đường bộ	Sở GTVT

			ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. -Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.		
12		Bổ sung xe không tăng số chuyến chạy xe trên tuyến cố định.	nt	Đường bộ	Sở GTVT
13		Cấp biển hiệu xe du lịch.	nt	Đường bộ	Sở GTVT
14		Cấp phù hiệu xe hợp đồng	nt	Đường bộ	Sở GTVT
15		Cấp phù hiệu xe buýt.	nt	Đường bộ	Sở GTVT
16		Cấp phù hiệu xe công - ten- nơ	nt	Đường bộ	Sở GTVT
17		Cấp phù hiệu xe nội bộ	nt	Đường bộ	Sở GTVT
18		Cấp phù hiệu xe ta xi.	nt	Đường bộ	Sở GTVT
19		Cấp phù hiệu xe tải.	nt	Đường bộ	Sở GTVT
20		Cấp phù hiệu xe trung chuyên	nt	Đường bộ	Sở GTVT
21		Cấp phù hiệu xe tuyến cố định	nt	Đường bộ	Sở GTVT
22		Giảm số chuyến chạy	nt	Đường	Sở GTVT

		xe trên tuyến cố định.		bộ	
23		Thay thế xe trên tuyến cố định.	nt	Đường bộ	Sở GTVT
24		Cấp mới Giấy phép kinh doanh vận tải	nt	Đường bộ	Sở GTVT
25	T-TTH-179204-TT	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, BVTC và tổng dự toán các công Trình giao thông thuộc nguồn vốn sự nghiệp.	Quyết định 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 Của UBND tỉnh TT Huế	Đường bộ và Đường thủy nội địa	Sở GTVT

**3. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>					
1		Phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật, BVTC và tổng dự toán các công trình giao thông.	Quyết định 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 Của UBND tỉnh TT Huế	Đường bộ	Sở GTVT
2		Phê duyệt các bước thiết kế xây dựng công trình giao thông sau thiết kế cơ sở.	Quyết định 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 Của UBND tỉnh TT Huế	Đường bộ	Sở GTVT
3		Thẩm định Dự án các công trình giao thông theo phân cấp.	Quyết định 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 Của UBND tỉnh TT Huế	Đường bộ	Sở GTVT

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT THỪA THIÊN HUẾ**

### **I. Lĩnh vực: Đường bộ**

#### **1. Đăng ký khai thác tuyến .**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Căn cứ biểu đồ chạy xe với các giờ xe chạy chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác đã được công bố (tại địa chỉ <http://sgtvt.thuathienhue.gov.vn>), doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động lựa chọn và gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến theo quy định về Sở Giao thông vận tải (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai thác tuyến và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở các thông tin về: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, tuyến, giờ xe chạy và thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký;

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo Sở Giao thông vận tải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công;

- Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã biết rõ lý do với trường hợp đăng ký khai thác tuyến không thành công;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tiên mà có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên (tính cho cả hai đầu tuyến) đăng ký khai thác trùng tuyến và giờ xe chạy thì trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã biết việc tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Trường hợp chỉ có 01 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đăng ký thành công được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở, doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký thành công nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu về Sở Giao thông vận tải để cấp phù hiệu xe chạy tuyến cố định. Hết thời hạn trên, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp hồ sơ thì coi như doanh nghiệp, hợp tác xã tự hủy bỏ đăng ký. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật, công khai thông tin giờ xe chạy còn trống trên biểu đồ chạy xe trên Trang Thông tin điện tử của Sở.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến (Bản chính – theo mẫu)

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (Bản chính - theo mẫu)

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (Bản chính - theo mẫu)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- *Thông báo đăng ký thành công khai thác tuyến.*

8. Phí, lệ phí:

Không

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:



**Phụ lục 2a**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên doanh nghiệp,**  
**HTX: .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ..... / .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... do ... *(tên cơ quan cấp)*..... cấp ngày ...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến: .....
- Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
- Bến xe đi:..... Bến xe đến:..... (3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: ..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:.....giờ.... phút, vào các ngày.....
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:.....
- Cự ly vận chuyển: .....km.
- Hành trình chạy xe:.....

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**PHỤ LỤC 15**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên doanh nghiệp,**  
**HTX...**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày..... tháng.....năm.....

## PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

### I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:.....

### II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

**a) Chiều đi: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

-....

**b) Chiều về: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

-....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

**a) Chiều đi: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

**b) Chiều về: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

### III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2	...	...	...	...	...
	<b>Tổng cộng</b>				

### IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
	....			

### V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bên xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất

- Số lượng xe:.....

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên doanh nghiệp,  
HTX:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng .....của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ..... (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**Ghi chú:** Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

## **2. Bổ sung xe không tăng số chuyến chạy xe trên tuyến cố định.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức và cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Bổ sung xe không tăng tần suất chạy xe trên tuyến cố định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu, trình lãnh đạo ký.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Thông báo bổ sung xe không tăng số *chuyến* chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách bổ sung- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách bổ sung- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu tuyến cố định.

8. Phí, lệ phí:

- Không

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên doanh nghiệp,  
HTX:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO.....(1)..... TUYÊN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải, Bến xe nơi đi, Bến xe nơi đến).....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.....ngày...../...../..... do  
.....(tên cơ quan cấp)..... cấp.
5. Kể từ ngày...../...../.....Doanh nghiệp (HTX) sẽ.....(1).....trên  
tuyến.....
6. Danh sách xe bổ sung hoặc thay thế:

TT	Biển kiểm soát	Số ghé	Tên đăng ký sở hữu xe	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến đã được chấp thuận khai thác
1							Bến đi....-Bến đến...
2..							Bến đi....-Bến đến...

7. Danh sách xe ngừng:

TT	Biển kiểm soát	Số ghé	Tên đăng ký sở hữu xe	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến đã được chấp thuận khai thác
1							Bến đi....-Bến đến...
2..							Bến đi....-Bến đến...

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi một trong các nội dung sau: ngừng khai thác tuyến hoặc bổ sung nhưng không làm tăng số chuyến chạy xe, thay thế xe.

**3. Cấp biển hiệu xe du lịch.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp biển hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp biển hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A/ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a/ Với trường hợp cấp lần đầu:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- 02 Giấy đăng ký xe có trong danh sách (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- 02 Giấy chứng nhận kiểm định ATKTK và BVMT của xe có trong danh sách (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy định (Bản chính – theo mẫu);

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên);



Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b/Với trường hợp cấp lại:

\* Với trường hợp biển hiệu bị mất, hư hỏng còn hạn sử dụng:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* Với trường hợp phù hiệu hết hạn:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- 02 Giấy đăng ký xe có trong danh sách (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- 02 Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy định (Bản chính – theo mẫu);

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

B) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Biển hiệu xe du lịch.

8. Phí, lệ phí:

- Không.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/05/2015 của Bộ GTVT và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

### PHỤ LỤC I

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”  
(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....

Trụ sở: .....  
 Trang thông tin điện tử .....  
 Tên đăng nhập ..... Mật khẩu truy cập .....  
 Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email .....  
 Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số..... do... .cấp  
 ngày...../...../.....  
 Lĩnh vực kinh doanh:.....  
 Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..... xe (danh sách xe kèm theo)

T T	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chõngôi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (thành phần hồ sơ kèm theo):

- 1...
- 2...
- 3...
- 4...
- .....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ  
tên)

## PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**  
 (Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25  
 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn  
 hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có) .....

Trụ sở: .....

Số điện thoại: .....

(Fax):.....

L oạ i x e	Bi ể n s ố	M à u s ơ n	T ê n h i ệ u x e	S ố k h u n g	S ố m á y	N ă m S X	Thông tin và trang thiết bị														
							( 1 )	( 2 )	( 3 )	( 4 )	( 5 )	( 6 )	( 7 )	( 8 )	( 9 )	(1 0)	(1 1)	(1 2)	(1 3)	(1 4)	
D ướ i 9 ch ỗ	...																				
T ừ 9 đ ế n d ư ới 24 ch ỗ	.....																				
Tr ên 24 ch ỗ	.....																				

- (1): Điều hòa nhiệt độ;
- (2): Thùng chứa đồ uống;
- (3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;
- (4): Túi thuốc dự phòng;
- (5): Bình chữa cháy;
- (6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở GTVT .....
- Sở VHTTDL (Sở Du lịch)...
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO**

**PHÁP LUẬT**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**4. Cấp phù hiệu xe hợp đồng**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a/ Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

**b/ Giải quyết thủ tục hành chính:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong

thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp biển hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a/ Với trường hợp cấp lần đầu:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b/ Với trường hợp cấp lại:

\* Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* Trường hợp phù hiệu hết hạn:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- \* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:
  - + *Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*
  - + *Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

B) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe hợp đồng.

8. Phí, lệ phí:

- Không..

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

#### **PHỤ LỤC 24**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị vận  
tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

### GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
  2. Địa chỉ:.....
  3. Số điện thoại (Fax):.....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm.....  
nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (2).....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

#### Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

#### 5. Cấp phù hiệu xe buýt.

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :



+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a/ Trường hợp cấp lần đầu:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b/ Trường hợp cấp lại:

\* Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* Trường hợp phù hiệu hết hạn:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

B) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe buýt.

8. Phí, lệ phí:

- Không

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày

7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* **Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

**PHỤ LỤC 24**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên đơn vị vận tải:.....** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
  2. Địa chỉ:.....
  3. Số điện thoại (Fax):.....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....  
Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						Xe buýt

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**6. Cấp phù hiệu xe công -ten- nơ.**

1.Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A/ Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp lần đầu

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

*b/ Trường hợp cấp lại:*

\* *Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* *Trường hợp phù hiệu hết hạn:*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

\* *Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:*

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

B) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe công-te-nơ.

8. Phí, lệ phí:

- Không.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Văn bản số 324/SGTVT-VT ngày 27/2/2007 của Sở GTVT Thừa Thiên Huế.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

#### PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận  
tải:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

#### GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm.....,  
nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biên hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biên kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						

..						
----	--	--	--	--	--	--

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**7. Cấp phù hiệu xe nội bộ.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.
6. Cơ quan thực hiện TTHC
- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
7. Kết quả thực hiện TTHC :
- Phù hiệu xe nội bộ.
8. Phí, lệ phí:
- *Không*
9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
10. Căn cứ pháp lý của TTHC :
- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

#### PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận  
tải:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

#### GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIẾN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....



3. Số điện thoại (Fax):.....  
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**8. Cấp phù hiệu xe ta xi.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở

*Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*A/ Thành phần hồ sơ:*

*a) Trường hợp cấp lần đầu*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

*b/ Trường hợp cấp lại:*

\* *Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* *Trường hợp phù hiệu hết hạn:*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, Biển hiệu (Bản chính – theo mẫu):

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

\* *Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:*

+ *Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

+ *Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

B/ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe ta xi.

8. Phí, lệ phí:

- *Không*

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

10. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

#### **PHỤ LỤC 24**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên đơn vị vận**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

tải:.....

NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... / .....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						Ta xi
..						

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**9. Cấp phù hiệu xe tải.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A/ Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp lần đầu

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTK và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

*b/ Trường hợp cấp lại:*

*\* Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:*

*- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).*

*\* Trường hợp phù hiệu hết hạn:*

*- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);*

*- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

*- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

*\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:*

*+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

*+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;*

*B/ số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

**4. Thời hạn giải quyết:**

*- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;*

*- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.*

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

**7. Kết quả thực hiện TTHC :**

*- Phù hiệu xe tải.*

**8. Phí, lệ phí:**

*- Không*

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu*

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC :**

*- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội*

*- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.*

*- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.*

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

### PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /....., ngày..... tháng.....năm.....

### GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
  2. Địa chỉ:.....
  3. Số điện thoại (Fax):.....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (2).....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						Xe tải
2						
..						

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

#### Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

## **10. Cấp phù hiệu xe đầu kéo.**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a/ Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

#### **b/ Giải quyết thủ tục hành chính:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ:

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **A/ Thành phần hồ sơ::**

##### **a) Trường hợp cấp lần đầu**



- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);
- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;
- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;
- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.
- \* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:
  - + Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;
  - + Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b/ Trường hợp cấp lại:

- \* Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:
  - Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).
- \* Trường hợp phù hiệu hết hạn:
  - Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);
  - Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;
  - Giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;
  - \* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:
    - + Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;
    - + Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

B/ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;
- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe đầu kéo.

8. Phí, lệ phí:

- Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

11. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

#### PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận  
tải:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

#### **GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						

..						
----	--	--	--	--	--	--

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**11. Cấp phù hiệu xe trung chuyển.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A/ Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp lần đầu

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTK và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b/ Trường hợp cấp lại:

\* Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* Trường hợp phù hiệu hết hạn:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTK và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoạch hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoạch hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

B/ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe trung chuyên.

8. Phí, lệ phí:

- Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

11. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

## PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận  
tải:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

## GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm.....,  
nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản	Năm sản	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi,
----	----------------	----------	--------------	----------	---------	-------------------------

				xuất	xuất	xe tải...)
1						Xe trung chuyên
2						
..						

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**12. Cấp phù hiệu xe tuyến cố định**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ:

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

*A/ Thành phần hồ sơ::*

*a) Trường hợp cấp lần đầu*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị cấp phù hiệu: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

*b/ Trường hợp cấp lại:*

\* *Trường hợp bị mất, hư hỏng phù hiệu còn hạn sử dụng:*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu) và phù hiệu cũ (đối với trường hợp hư hỏng).

\* *Trường hợp phù hiệu hết hạn:*

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT của xe có trong danh sách - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

\* *Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:*

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

B/ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu xe tuyến cố định.

8. Phí, lệ phí:

- *Không*

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

11. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

### **13. Giảm số chuyến chạy xe trên tuyến cố định.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức và cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Giảm tần suất chạy xe trên tuyến cố định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu, trình lãnh đạo ký.



- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.
- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:  
Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.  
Sáng: từ 7g30 đến 11g00.  
Chiều: từ 14g00 đến 16g30.
- 2. Cách thức thực hiện:
  - Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải
- 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:
  - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
    - Thông báo giảm số chuyến xe chạy trên tuyến vận tải hành khách cố định (Bản chính – theo mẫu);
  - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- 4. Thời hạn giải quyết:
  - 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;
- 5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.
- 6. Cơ quan thực hiện TTHC
  - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT
  - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
  - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
  - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- 7. Kết quả thực hiện TTHC :
  - Văn bản chấp thuận.
- 8. Phí, lệ phí:
  - Không.
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:
  - *Thông báo giảm số chuyến xe chạy trên tuyến vận tải hành khách cố định.*
- 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
- 11. Căn cứ pháp lý của TTHC :
  - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
  - Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
  - Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày

7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

### PHỤ LỤC 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /....., ngày..... tháng.....năm.....

### THÔNG BÁO GIẢM SỐ CHUYẾN CHẠY XE TRÊN TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải., Bến xe nơi đi, Bến xe nơi đến)

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...(tên cơ quan cấp).... cấp ngày...../...../.....
5. Kể từ ngày.../.../... Doanh nghiệp, HTX sẽ giảm số chuyến chạy xe trên tuyến.....: Mã số tuyến:.....  
Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)  
Bến đi:..... Bến đến:.....  
Cự ly vận chuyển:.....km  
Hành trình chạy xe:.....  
Hiện đang hoạt động với với số chuyến xe.....(số chuyến/ngày, /tháng..)  
Sẽ giảm xuống còn.....(Số chuyến/tuần, tháng...)  
Doanh nghiệp, HTX sẽ ngừng các giờ xe xuất bến:  
- Tại bến đi....giờ...phút vào các ngày.....  
- Tại bến đến....giờ...phút vào các ngày.....
6. Danh sách xe ngừng:

TT	Biển đăng ký	Số ghế	Tên đăng ký Sở hữu	Nhãn hiệu xe	Nước SX	Năm SX
1	...	....	....	...	..	...
2						

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

### **Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nếu là tuyến nội tỉnh).

### **14. Thay thế xe trên tuyến cố định.**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức và cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Thay thế xe trên tuyến cố định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu, trình lãnh đạo ký.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Thông báo thay thế xe tuyến vận tải hành khách cố định (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy đăng ký xe có trong danh sách *thay thế*

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và BVMT của xe có trong danh sách thay thế- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

- *Bản cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe đề nghị thay thế: Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập.*

\* Với trường hợp xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp cần có thêm:

+ Hoặc hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

+ Hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số Thừa Thiên Huế;

- 8 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ với phương tiện mang biển số địa phương khác.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Phù hiệu tuyến cố định.

8. Phí, lệ phí:

- Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo bổ sung xe không tăng số chuyến tuyến vận tải hành khách cố định

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

11. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

#### **PHỤ LỤC 16**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên doanh nghiệp,**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HTX:.....**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO.....(1)..... TUYÊN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải, Bến xe nơi đi, Bến xe nơi đến).....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.....ngày...../...../..... do  
.....(tên cơ quan cấp)..... cấp.
5. Kể từ ngày...../...../.....Doanh nghiệp (HTX) sẽ.....(1).....trên tuyến.....
6. Danh sách xe bổ sung hoặc thay thế:

TT	Biển kiểm soát	Số ghế	Tên đăng ký sở hữu xe	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến đã được chấp thuận khai thác
1							Bến đi....-Bến đến...
2..							Bến đi....-Bến đến...

7. Danh sách xe ngừng:

TT	Biển kiểm soát	Số ghế	Tên đăng ký sở hữu xe	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến đã được chấp thuận khai thác
1							Bến đi....-Bến đến...
2..							Bến đi....-Bến đến...

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi một trong các nội dung sau: ngừng khai thác tuyến hoặc bổ sung nhưng không làm tăng tần suất chạy xe, thay thế xe.

**15. Cấp mới Giấy phép kinh doanh vận tải**

1.Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức và cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu, trình lãnh đạo ký.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

A/Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a/ Trường hợp cấp lần đầu:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Văn bằng chuyên môn, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe ta xi, vận tải hàng hoá bằng công-ten nơ);

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe ta xi.

b/ Trường hợp cấp lại:

\* Với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu);

- Giấy phép kinh doanh đã cấp trước đó;

- Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong giấy phép kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định 86/2014/NĐ-CP (Việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

\* Với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu);

- Giấy phép kinh doanh đã cấp trước đó;

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (theo mẫu).

\* Với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị mất hoặc bị hư hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu);
- Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng hoặc văn bản có xác nhận của công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

B/ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Với trường hợp bị mất: Không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Giấy phép kinh doanh vận tải.

8. Phí, lệ phí:

\* Cấp lần đầu:

- 200.000 đồng/giấy phép.

\* Cấp lại:

- 50.000 đồng/giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải;
- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

\* Khi cấp lần đầu:

- Với các doanh nghiệp, HTX kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, xe ta xi, vận tải hàng hoá bằng công ten nơ phải có Kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông và Quy trình bảo đảm an toàn giao thông.
- Với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, du lịch, vận tải hàng hoá thông thường phải có Quy trình đảm bảo an toàn giao thông.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC :

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

### PHỤ LỤC 1

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

<p>Tên đơn vị KĐVT:.....</p>	<p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <p style="text-align: center;">-----</p>
----------------------------------	--

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm.....

### GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

.....  
.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

<p><b>Nơi nhận:</b> - Như trên; - Lưu.</p>	<p><b>Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải</b> <b>tài</b> <i>(Ký tên, đóng dấu)</i></p>
--	---

### PHỤ LỤC 2



(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị  
KDVT:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
.....  
.....
8. Lý do đề nghị cấp lại.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận  
tải**

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Lưu.

(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

- I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải  
- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

## **II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

### **1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.**

#### **a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.**

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giương năm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

#### **b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.**

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

#### **c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:**

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

**2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa**

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên đơn vị kinh doanh vận tải:..**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....      ....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**

**Nơi nhận:**

(Ký tên, đóng dấu)

- Như trên;

- Lưu.

\* Ghi chú: Phần in nghiêng tô màu đỏ là phần chỉnh sửa, bổ sung.

## **16. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính);

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (theo mẫu);

- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí tổng thể mặt bằng bến xe;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo mẫu.

- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.
- b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- 4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày
- 5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.
- 6. Cơ quan thực hiện TTHC
  - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT
  - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
  - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
  - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- 7. Kết quả thực hiện TTHC :
  - Quyết định công bố đưa bến xe khách vào hoạt động.
- 8. Phí, lệ phí: Không
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
  - Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào hoạt động;
  - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật bến xe khách
- 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
- 11. Căn cứ pháp lý của TTHC :
  - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
  - Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
  - Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
  - Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về ban hành Quy chuẩn quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT.

#### PHỤ LỤC 1

..... (2) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ...
3. Trụ sở: ...
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng ... năm  
Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách ..... (3) ..... Cụ thể như sau:  
- Tên: (3)  
- Địa chỉ: (4)  
- Tổng diện tích đất: (5)....  
+ Diện tích bãi đỗ xe ô tô vào vị trí đón chờ khách....  
+ Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác....  
+ Diện tích phòng chờ cho hành khách...

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ..... công bố Bến xe khách ..... (3) ..... đạt quy chuẩn Bến xe loại: ..... (6) ..... và được đưa vào khai thác ..... (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**Phụ lục 2**

.....(2).....  
-----  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách	Theo thực tế
----	--------------------	-------------	------------------------------------	--------------

			loại ....(4)....	
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m <sup>2</sup>		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra; vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

**17. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính);

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước)

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước)

- Biện bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước)

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện TTHC :

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào hoạt động.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào hoạt động;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật bến xe khách

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

11. Căn cứ pháp lý của TTHC :



- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về ban hành Quy chuẩn quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT.

### PHỤ LỤC 1

..... (2) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

### GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ...
3. Trụ sở: ...
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách ..... (3) ..... Cụ thể như sau:

- Tên: (3)

- Địa chỉ: (4)

- Tổng diện tích đất: (5)....

+ Diện tích bãi đỗ xe ô tô vào vị trí đón chờ khách....

+ Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác....

+ Diện tích phòng chờ cho hành khách...

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ..... công bố Bến xe khách ..... (3) ..... đạt quy chuẩn Bến xe loại: ..... (6) ..... và được đưa vào khai thác ..... (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị**  
**(Ký tên, đóng dấu)**

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**Phụ lục 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....(2).....  
-----

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m <sup>2</sup>		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra; vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Đại diện đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

**18. Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a/ Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính);

**b/ Giải quyết thủ tục hành chính:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo quy định và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác;

- Trường hợp bến xe không đáp ứng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì Sở Giao thông vận tải phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác theo mẫu.
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng.

- Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định.
- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền.
- b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- 4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày
- 5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.
- 6. Cơ quan thực hiện TTHC
  - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT
  - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
  - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
  - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- 7. Kết quả thực hiện TTHC :
  - Quyết định công bố đưa bến xe hàng vào hoạt động.
- 8. Phí, lệ phí: Không
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
  - Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào hoạt động;
- 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
- 11. Căn cứ pháp lý của TTHC :
  - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội
  - Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
  - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
  - Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 1

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA.....(tên bến xe hàng).....vào khai thác**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày.....tháng..... năm.....

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng)..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:.....
- Địa chỉ:(1).....
- Tổng diện tích đất: (2).....
- ....(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.
- (2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

**19. Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng:**

1. Trình tự thực hiện:

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng thanh lý, bị mất, bán ra nước ngoài hoặc tái xuất ra nước ngoài, tổ chức và cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu, trình lãnh đạo ký.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT trả lại kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
- Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng và giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).
- b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
4. Thời hạn giải quyết:
- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.
6. Cơ quan thực hiện TTHC
- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
7. Kết quả thực hiện TTHC :
- Sở GTVT thu hồi Giấy đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số và xác nhận vào tờ khai.
8. Phí, lệ phí: Không
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
- Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng.
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): không
11. Căn cứ pháp lý của TTHC :
- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc Hội;
  - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ GTVT quy định về cấp đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.
  - Thông tư 59/2011/TT-BGTVT ngày 29/7/2011 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi một số điều của Thông tư 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
  - Thông tư 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 76/2004/TT-BTC.
- Mẫu đơn, tờ khai:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**TỜ KHAI**

**XOÁ SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:..... Nơi  
 cấp.....  
 Địa chỉ thường trú:.....  
 Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND, hoặc hộ  
 chiếu.....  
 Ngày cấp:..... Nơi cấp:  
 Địa chỉ thường trú:..  
 Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn...  
 Nhân hiệu (mác, kiểu):..... Công suất ..  
 Nước sản xuất:..... Năm sản xuất...  
 Số động cơ:.....Số khung.....  
 Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng  
 lượng.....  
 Hiện đã có giấy chứng nhận đăng ký, biển số là:.....  
 Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày.....tháng.....năm.....  
 Lý do xin xoá số đăng ký:..  
 Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
 Đề nghị..... xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.  
 ...., ngày.....tháng..... năm  
 Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:.....Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....Ngày xoá  
 số:.../.../...

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày...../...../.....  
 Lưu hồ sơ xoá số đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

**Cán bộ làm thủ tục**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký tên, đóng dấu)

- Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:
  - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;
  - Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá số 01 bản.

**20. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, BVTC và tổng dự toán các công  
 trình giao thông thuộc nguồn vốn sự nghiệp.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Các bước thực hiện đối với tổ chức:

- Bước 1: Cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại Biểu này và nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu, trình lãnh đạo ký.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT.

- **Hồ sơ gồm:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bản chính).

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (bản chính).

- Điều kiện, năng lực tư vấn thiết kế, chủ nhiệm đồ án (nếu có-bản sao hợp lệ).

- Các văn bản liên quan khác (nếu có-bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Phí, lệ phí:** Lệ phí thẩm định đầu tư thu theo từng trường hợp cụ thể.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;

+ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;



+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế”

## **II. Lĩnh vực: Đường thủy nội địa**

### **1. Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa – Trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa**

1- Trình tự Thủ tục:

a) Các bước cá nhân, tổ chức phải thực hiện:

- Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại Biểu này, (mẫu đơn, bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện có thể lấy mẫu tại bộ phận TN và TKQ của Sở GTVT Thừa Thiên Huế hoặc qua trang web: [www.sgtvt.hue.gov.vn](http://www.sgtvt.hue.gov.vn)).

- Bước 2: Nộp thuế trước bạ của phương tiện tại cơ quan thuế đóng tại địa phương của chủ phương tiện (đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ);

- Bước 3: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Các bước thực hiện của cơ quan hành chính:

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục cấp GCN.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

2- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại bộ phận TN và TKQ Sở GTVT.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ :

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (bản chính - theo mẫu số 7);

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;
- Hai ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
- Biên lai Hóa đơn nộp thuế trước bạ đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ (bản chính);
- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định (theo mẫu) đối với phương tiện thuộc diện không phải đăng kiểm.

## 2. Giấy tờ xuất trình:

- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính);
- Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam, hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam (bản chính).
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời gian giải quyết : 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Lệ phí : 70.000 đồng

9. Tờ khai, mẫu đơn:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.
- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí QLNN về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**Mẫu số 5**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây: .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): .....ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Do cơ quan ..... cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:  
..... do cơ quan ..... cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**2. Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch:****1. Trình tự Thủ tục:****a/ Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật đến Sở Giao thông vận tải (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải) nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh;

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**b/ Giải quyết thủ tục hành chính:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ :

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị kinh doanh hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi đơn vị kinh doanh nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định) gửi Sở Du lịch để lấy ý kiến;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Du lịch có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Du lịch đồng ý cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và nhận Biên hiệu phương tiện thủy trực tiếp tại bộ phận TN và TKQ Sở GTVT.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ :**

+ 01 bản chính Giấy đề nghị cấp biển hiệu phương tiện thủy(theo mẫu).

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực(bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy còn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch, Thẻ hướng dẫn viên du lịch (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết :** 10 ngày

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân Việt Nam

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Sở Du lịch.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Biên hiệu cho phương tiện vận chuyển khách du lịch.

**8. Lệ phí :** chưa quy định.

**9. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy đề nghị cấp(cấp lại) biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư 59/2015/TT-BGTT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

\* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**PHỤ LỤC IV**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI BIÊN HIỆU “PHƯƠNG TIỆN THỦY  
VẬN CHUYÊN KHÁCH DU LỊCH”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL  
ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng  
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN TC, CN KINH DOANH                      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIÊN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYÊN  
KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở, địa chỉ:.....

Số điện thoại (Fax):..... Email:.....

Đề nghị cấp (cấp lại) biên hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch:

Số TT	Tên phương tiện	Số đăng ký	Sức chở của phương tiện (người)	Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)	Tổng công suất máy (sức ngựa)	Tốc độ tối đa (km/h)	Năm đóng
1							
...							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm:

.....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại; cấp lại do mất hoặc hỏng).

Thời hạn: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày.... tháng... năm....

Tổ chức (cá nhân) kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung giấy đề nghị và các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp biên hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Lưu.

**Người đại diện theo pháp luật**  
*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

### **3. Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực**

#### **1. Trình tự Thủ tục:**

##### **a/ Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật đến Sở Giao thông vận tải (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải) nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh;
- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

##### **b/ Giải quyết thủ tục hành chính:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;

- Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị kinh doanh hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi đơn vị kinh doanh nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định) gửi Sở Du lịch để lấy ý kiến;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Du lịch có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Du lịch đồng ý cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

##### **c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và nhận Biển hiệu phương tiện thủy trực tiếp tại bộ phận TN và TKQ Sở GTVT.

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ :**

+ 01 bản chính Giấy đề nghị cấp biển hiệu phương tiện thủy(theo mẫu).

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy còn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch, Thẻ hướng dẫn viên du lịch (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết :** 10 ngày

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân Việt Nam

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Sở Du lịch.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Biện hiệu cho phương tiện vận chuyển khách du lịch.

**8. Lệ phí :** chưa quy định.

**9. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) biện hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư 59/2015/TT-BGTT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn cấp biện hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

#### PHỤ LỤC IV

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI BIỆN HIỆU “PHƯƠNG TIỆN THỦY  
VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH”

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL



ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TC, CN KINH DOANH**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYÊN KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở, địa chỉ:.....

Số điện thoại (Fax):..... Email:.....

Đề nghị cấp (cấp lại) biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch:

Số TT	Tên phương tiện	Số đăng ký	Sức chở của phương tiện (người)	Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)	Tổng công suất máy (sức ngựa)	Tốc độ tối đa (km/h)	Năm đóng
1							
...							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm:

.....  
Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại; cấp lại do mất hoặc hỏng).

Thời hạn: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày.... tháng... năm....

Tổ chức (cá nhân) kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung giấy đề nghị và các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**4. Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được**

**1. Trình tự Thủ tục:**

a/ Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận chuyên khách du lịch gửi Giấy đề nghị theo quy định trực tiếp hoặc qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định

của pháp luật đến Sở Giao thông vận tải (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải) nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh;

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b/ Giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch, Sở Giao thông vận tải cấp lại biên hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch. Thời hạn của biên hiệu cấp lại tính theo thời hạn còn lại của biên hiệu đã bị mất hoặc hỏng;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Vào các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: từ 7g30 đến 11g00.

Chiều: từ 14g00 đến 16g30.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và nhận Biên hiệu phương tiện thủy trực tiếp tại bộ phận TN và TKQ Sở GTVT.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ :**

- Giấy đề nghị cấp biên hiệu phương tiện thủy (theo mẫu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**4. Thời gian giải quyết :** 02 ngày

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân Việt Nam

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở GTVT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Biên hiệu cho phương tiện vận chuyển khách du lịch.

**8. Lệ phí :** chưa quy định.

**9. Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy đề nghị cấp(cấp lại) biên hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư 59/2015/TT-BGTT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

#### PHỤ LỤC IV

### MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI BIỂN HIỆU “PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH”

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TC, CN KINH DOANH**                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

### GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở, địa chỉ:.....

Số điện thoại (Fax):..... Email:.....

Đề nghị cấp (cấp lại) biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch:

Số TT	Tên phương tiện	Số đăng ký	Sức chở của phương tiện (người)	Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)	Tổng công suất máy (sức ngựa)	Tốc độ tối đa (km/h)	Năm đóng
1							
...							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm:

.....  
Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại; cấp lại do mất hoặc hỏng).

Thời hạn: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày.... tháng... năm....

Tổ chức (cá nhân) kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung giấy đề nghị và các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu.

## **5. Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng.**

### **\* Trình tự thực hiện:**

#### **a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://tthc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).

- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

#### **b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, soạn thảo Tờ trình và Quyết định công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa, trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình, gửi Tờ trình và dự thảo Quyết định cho UBND tỉnh.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

#### **c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

**\* Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

#### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng đối với luồng, tuyến đường thủy nội địa mới có dự án đầu tư xây dựng, bao gồm:

+ Đơn đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính) theo mẫu quy định;

+ Quyết định phê duyệt dự án (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ hoàn công công trình (bản sao).

- Hồ sơ đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng đối với luồng, tuyến đường thủy nội địa mới không có dự án đầu tư xây dựng, bao gồm:

+ Đơn đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính) theo mẫu quy định;

+ Bình đồ khảo sát hiện trạng luồng, tuyến đường thủy nội địa đề nghị công bố (bản chính). Trên bình đồ thể hiện vị trí báo hiệu, các công trình hiện hữu trên luồng, tuyến đường thủy nội địa.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó 05 ngày đối với Sở GTVT, 05 ngày đối với UBND tỉnh.)

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh TT. Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

\* **Lệ phí:** Không.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị.

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.

#### PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

#### MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ

TÊN TỔ CHỨC

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-..... (1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

#### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa .....2)

Kính gửi: .....(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số...../2016/TT-BGTVT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Căn cứ .....(4)

2. Nội dung đề xuất

- a) Chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa .....km (từ.....đến.....);
- b) Cấp kỹ thuật của luồng, tuyến đường thủy nội địa .....
- c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng, tuyến đường thủy nội địa .....
- d) Các nội dung khác

..... (5)..... kính đề nghị .....(3) ..... xem xét, công bố mở  
 luồng, tuyến đường thủy nội địa .....(2) .....

Xin trân trọng cảm ơn./.

**THỦ TRƯỞNG (6)**  
**(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....(7)

**Ghi chú:**

- (1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).
- (2) Nêu tên đường thủy nội địa.
- (3) Nêu tên cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.
- (4) Nêu Quyết định phê duyệt, hồ sơ hoàn công, Biên bản hoàn thành dự án, công trình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Thông tư này hoặc Bình đồ khảo sát hiện trạng luồng, tuyến đường thủy nội địa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.
- (5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

**6. Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng.**

**\* Trình tự thực hiện:**

**a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://tthc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).

- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

**b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, soạn thảo Tờ trình và Quyết định công bố đóng luồng, tuyến Đường thủy

nội địa chuyên dùng, trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình, gửi Tờ trình và dự thảo Quyết định cho UBND tỉnh.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

\* **Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đối với các trường hợp công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng: Vì lý do an ninh, quốc phòng liên quan đến luồng, tuyến đường thủy nội địa hoặc trong quá trình khai thác luồng, tuyến đường thủy nội địa, xét thấy luồng, tuyến đường thủy nội địa không đảm bảo an toàn cho hoạt động giao thông vận tải.

Biên bản kiểm tra, đánh giá luồng, tuyến đường thủy nội địa giữa cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác đường thủy nội địa chuyên dùng.

- Đối với trường hợp: Đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa không còn nhu cầu khai thác vận tải.

Đơn đề nghị đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính) theo mẫu quy định.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó 02 ngày đối với Sở GTVT, 02 ngày đối với UBND tỉnh.)

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh TT. Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

\* **Lệ phí:** Không.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa.

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.

## PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-..... (1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa ..... (2)

Kính gửi: .....(3).....

#### 1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số...../2016/TT-BGTVT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Căn cứ .....(4)

#### 2. Nội dung đề xuất

a) Lý do của việc đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa;

b) Địa danh;

c) Chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa;

d) Thời gian bắt đầu đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa;

đ) Các nội dung khác

.....  
..... (5)..... kính đề nghị .....(3) ..... xem xét, công bố đóng  
luồng, tuyến đường thủy nội địa .....(2) .....

Xin trân trọng cảm ơn./.

**THỦ TRƯỞNG (6)**

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

#### Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, .....(7)

#### Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên đường thủy nội địa.

(3) Nêu tên cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

(4) Nêu căn cứ liên quan đến đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa (nếu có)

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).



**7. Cho ý kiến dự án xây dựng công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**\* Trình tự thực hiện:**

**a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://tthc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).

- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

**b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu chấp thuận trình lãnh đạo sở ký đối với, tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; Trường hợp cần kéo dài thời gian xem xét, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm. Đối với công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình, gửi Tờ trình và dự thảo Văn bản chấp thuận cho UBND tỉnh.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

**\* Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường thủy nội địa, Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị (bản chính) theo mẫu quy định. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.

- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản vẽ tỷ lệ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể

hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình (*trừ khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao*).

- Ngoài quy định tại tiết liền kề trên đây, hồ sơ phải có các tài liệu kèm theo cho từng trường hợp cụ thể sau đây:

+ Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm: dữ liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tĩnh không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;

+ Đối với cầu quay, cầu cát, cầu nâng hạ, cầu phao; âu tàu, *đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông*: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, *chiều rộng*), thể hiện rõ *phương án* và công nghệ đóng, mở, *bản vẽ thiết kế* vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi, *độ sâu tại khoang thông thuyền công trình thủy lợi kết hợp giao thông*;

+ Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu về khoang thông thuyền, thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);

+ Đối với công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; *công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè*: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, bến; *công trình kè, chính trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, bến, kè, công trình chính trị khác* và các công trình phụ trợ; vùng nước cần thiết cho hoạt động của cảng, bến, *công trình phong điện, nhiệt điện*;

+ Đối với công trình ngầm, *đường dây, đường ống* dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện *khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao độ tự nhiên đáy luồng, phạm vi luồng và hành lang luồng đường thủy nội địa*;

+ Đối với khai thác tài nguyên, nạo vét: *Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc* để xác định vị trí nạo vét, *đổ đất hoặc khai thác tài nguyên*.

- *Đối với khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao, hồ sơ bao gồm:*

+ *Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, phạm vi khu vực;*

+ *Bản vẽ thể hiện phạm vi (chiều dài, chiều rộng) khu vực, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình hiện hữu liên quan khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.*

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:**

- 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó 05 ngày đối với Sở GTVT, 05 ngày đối với UBND tỉnh) đối với trường hợp công trình bảo đảm an

ninh, quốc phòng trên ĐTNĐ địa phương; ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ địa phương.

- 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp công trình trên tuyến ĐTNĐ địa phương; ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ địa phương.

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh TT. Huế hoặc Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

\* **Lệ phí:** Không.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *Mẫu Văn bản.*

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- *Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;*

- *Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.*

**Ghi chú:** *Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.*

#### PHỤ LỤC 5

*(Kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TÊN TỔ CHỨC.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....(1)....-(2)  
VN.....(3)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20 .....

Kính gửi:..... (4).....

.....(5).....  
.....  
.....  
.....

**THỦ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....(6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

**Ghi chú:**

- (1) Tên tổ chức gửi văn bản.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung văn bản đề nghị (ngắn gọn, rõ ràng).
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản.
- (6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

**8. Cho ý kiến dự án xây dựng công trình đảm bảo an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương (thuộc thẩm quyền UBND tỉnh).**

**\* Trình tự thực hiện:**

**a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://thc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).
- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

**b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ *trong thời hạn không quá hai ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ*. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.
- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, soạn thảo, trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình, gửi Tờ trình, hồ sơ và dự thảo Văn bản chấp thuận cho UBND tỉnh.
- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

**\* Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư

số 15/2016/TT-BGTVT, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường thủy nội địa, Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị (bản chính) theo mẫu quy định. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.
- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản vẽ tỷ lệ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình (*trừ khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao*).
- Ngoài quy định tại tiết liền kê trên đây, hồ sơ phải có các tài liệu kèm theo cho từng trường hợp cụ thể sau đây:
  - + Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm: dữ liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tĩnh không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;
  - + Đối với cầu quay, cầu cút, cầu nâng hạ, cầu phao; âu tàu, *đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông*: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, *chiều rộng*), thể hiện rõ *phương án* và công nghệ đóng, mở, *bản vẽ thiết kế* vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi, *độ sâu tại khoang thông thuyền công trình thủy lợi kết hợp giao thông*;
  - + Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu về khoang thông thuyền, thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);
  - + Đối với công trình cảng cá; *cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè*: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, *bến*; *công trình kè, chính trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, bến, kè, công trình chính trị khác* và các công trình phụ trợ; vùng nước cần thiết cho hoạt động của *cảng, bến, công trình phong điện, nhiệt điện*;
  - + Đối với công trình ngầm, *đường dây, đường ống* dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện *khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao độ tự nhiên đáy luồng, phạm vi luồng và hành lang luồng đường thủy nội địa*;
  - + Đối với khai thác tài nguyên, nạo vét: *Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định vị trí nạo vét, đê đất hoặc khai thác tài nguyên*.
- *Đối với khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao, hồ sơ bao gồm:*
  - + *Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, phạm vi khu vực;*

+ Bản vẽ thể hiện phạm vi (chiều dài, chiều rộng) khu vực, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình hiện hữu liên quan khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó 05 ngày đối với Sở GTVT, 05 ngày đối với UBND tỉnh).

\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

\* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh TT. Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

\* Lệ phí: Không.

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Văn bản.

\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

\* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.

## PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC.....

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: /.....(1).....-(2)

V/v.....(3)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20 .....

Kính gửi:..... (4).....

.....(5).....  
.....  
.....  
.....

**THỦ TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....(6)

**Ghi chú:**

- (1) Tên tổ chức gửi văn bản.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung văn bản đề nghị (ngắn gọn, rõ ràng).
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản.
- (6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

**9. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**\* Trình tự thực hiện:**

**a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://tthc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).
- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

**b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.
- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, in phù hiệu chấp thuận trình lãnh đạo sở ký; *Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.*
- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

\* **Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Trước khi thi công công trình được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 11 của *Thông tư 15/2016/TT-BGTVT*, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công dự án nộp 01 (một) bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa (Bản chính) theo mẫu quy định.
  - Phương án thi công công trình.
  - Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:
    - + Thuyết minh chung về phương án;
    - + Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết không chế, bố trí phương tiện điều tiết không chế;
    - + Phương án bố trí nhân lực;
    - + Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;
    - + Thời gian thực hiện phương án.
  - *Đối với phương án bảo đảm an toàn giao thông điều chỉnh, phải nêu rõ lý do điều chỉnh cho mỗi trường hợp.*
- + **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

\* **Lệ phí:** Không.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *Mẫu Văn bản.*

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- *Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;*



- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.

### PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC.....  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: /.....(1).....(2)  
V/v.....(3)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20 .....

Kính gửi:..... (4).....

.....(5).....  
.....  
.....  
.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....(6)

**THỦ TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

**Ghi chú:**

- (1) Tên tổ chức gửi văn bản.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung văn bản đề nghị (ngắn gọn, rõ ràng).
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản.
- (6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

**10. Công bố hạn chế giao thông trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình và tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập (thuộc thẩm quyền Sở GTVT).**

**\* Trình tự thực hiện:**

**a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://tthc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và

trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).

- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

**b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ *trong thời hạn không quá hai ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ*. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, soạn thảo Văn bản chấp thuận trình lãnh đạo sở ký;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

\* **Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Trường hợp thi công công trình:**

Trước khi thi công công trình, tổ chức, cá nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường thủy nội địa, Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa (Bản chính) theo mẫu quy định.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết không chế, bố trí phương tiện điều tiết không chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án.

- *Đối với phương án bảo đảm an toàn giao thông điều chỉnh, phải nêu rõ lý do điều chỉnh cho mỗi trường hợp.*

**b) Trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức hoạt động nói trên gửi văn bản đến cơ quan quản lý có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa đề nghị công bố

hạn chế giao thông. Văn bản đề nghị phải nêu rõ địa điểm, thời gian, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động và các văn bản pháp lý kèm theo.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

\* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản công bố.

\* **Lệ phí:** Không.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *Mẫu Văn bản.*

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**Ghi chú:** *Phân chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.*

#### PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC.....  
\_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....(1).....(2)

V/V.....(3)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20 .....

Kính gửi:..... (4).....

.....(5).....  
.....

**THỦ TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....(6)

**Ghi chú:**

- (1) Tên tổ chức gửi văn bản.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung văn bản đề nghị (ngắn gọn, rõ ràng).
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản.
- (6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

**11. Công bố hạn chế giao thông đối với trường hợp bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương**

**\* Trình tự thực hiện:**

**a) Các bước thực hiện đối với cá nhân, tổ chức:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gặp trực tiếp chuyên viên thụ lý hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở GTVT để được hướng dẫn làm thủ tục, nhận mẫu đơn, kê khai (Mẫu đơn có thể lấy từ trang web <http://tthc.thuathienhue.gov.vn>); hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại biểu này, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải và xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định (nếu có).

- Bước 2: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải số 10, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế.

**b) Các bước thực hiện đối với cơ quan hành chính:**

- Bước 1: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ *trong thời hạn không quá hai ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ*. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.

- Bước 2: Bộ phận chuyên môn của Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, soạn thảo, trình lãnh đạo Sở ra Quyết định công bố.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

**c) Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:**

Vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

Sáng: Từ 07h30 đến 11h00, Chiều: Từ 14h00 đến 16h30.

**\* Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Trước khi thi công công trình, tổ chức, cá nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường thủy nội địa, Hồ sơ bao gồm:

- Thuyết minh chung về phương án;
- Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;
- Phương án bố trí nhân lực;
- Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực hoặc phương án phân luồng phương tiện theo tuyến khác đối với trường hợp cấm luồng;
- Thời gian thực hiện phương án hạn chế giao thông.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

\* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công bố.

\* Lệ phí: Không.

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

\* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của TTHC.

